

Số: 06 /2011/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26/4/2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Quyết định số 116/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;

Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 214/TTr-STC ngày 22/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 471/2004/QĐ-UB ngày 13/5/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Những nội dung quản lý giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ, Quyết định số 116/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính tổ chức triển khai và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Tây Ninh, Đài phát thanh truyền hình phổ biến tuyên truyền quy định quản lý nhà nước về giá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Ủy Ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư Pháp;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- BCĐ phòng, chống tham nhũng tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- VP.TU và các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Tây Ninh (www.tayninh.gov.vn);
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KÍ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Hùng Việt

C. 110 b



QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2011/QĐ-UBND
ngày 24/09/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định việc thực hiện bình ổn giá; quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá; hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; hồ sơ và thủ tục đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh) căn cứ quy định tại Thông tư này để thực hiện các biện pháp bình ổn giá; thực hiện việc lập, trình: phương án giá, hồ sơ hiệp thương giá; thực hiện đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ và các biện pháp quản lý giá theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền, căn cứ quy định tại Thông tư này để thực hiện bình ổn giá; lập, trình, thẩm định phương án giá; quyết định giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; tổ chức hiệp thương giá; tiếp nhận, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, chấp hành pháp luật nhà nước về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về giá đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam khác với quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I

THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện và phối hợp với Trung ương thực hiện bình ổn giá được quy định cụ thể tại Phụ lục 1a kèm theo Quy định này.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại địa phương trong từng thời kỳ cho phù hợp.

Điều 4. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi giá thị trường trong nước của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có biến động bất thường xảy ra thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Giá tăng cao hơn so với mức tăng giá của các yếu tố “đầu vào”, hoặc cao hơn so với giá vốn hàng nhập khẩu do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tính toán các yếu tố hình thành giá (chi phí sản xuất, giá thành, chi phí lưu thông, lợi nhuận, v.v.) không đúng với các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Giá giảm thấp hơn không hợp lý so với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được tính toán theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Giá tăng hoặc giảm không có căn cứ, trong khi các yếu tố hình thành giá không có biến động trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời hoặc do các tin đồn thất thiệt không có căn cứ về việc tăng giá hoặc giảm giá.

c) Giá tăng hoặc giảm không hợp lý do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lạm dụng vị thế độc quyền, thông lĩnh thị trường, liên kết độc quyền về giá theo quy định của Luật Cạnh tranh và pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể các điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương theo từng thời kỳ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định các biện pháp bình ổn giá

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm 3 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các biện pháp theo thẩm quyền để điều hòa cung cầu hàng hóa, dịch vụ;

b) Các biện pháp tài chính, tiền tệ theo quy định của pháp luật;

c) Đăng ký giá, kê khai giá: thực hiện theo quy định tại Điều 22b thuộc khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này;

d) Công khai thông tin về giá theo quy định tại Điều 22c thuộc khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP;

đ) Các biện pháp về kinh tế, hành chính khác theo thẩm quyền bao gồm:

- Quyết định đình chỉ thực hiện mức giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã quyết định không hợp lý so với các quy định hiện hành và yêu cầu thực hiện mức giá cũ liền kề trước khi có biến động bất thường;

- Phạt cảnh cáo, phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và các quy định của pháp luật có liên quan; thu phần chênh lệch giá do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tăng giá bất hợp lý vào Ngân sách nhà nước;

- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, các loại giấy phép kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được cấp có thời hạn hoặc không có thời hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá, kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định, theo giá đăng ký, giá kê khai và giá niêm yết; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành sản phẩm; các biện pháp kinh tế, kỹ thuật hỗ trợ sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh kịp thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền thực hiện tại địa phương.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 22a thuộc khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, quy định tại Điều 14 Quy định này và theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan như: kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định, theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá (theo thẩm quyền), phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh Giá và các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Sở Công Thương, Cục Thuế, Cục Hải quan, Công an tỉnh... kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng chủ trương điều hành giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá, ép giá bất hợp lý.

d) Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ

Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng trên địa bàn địa phương.

2. Cục Hải quan: Định kỳ hàng tháng hoặc khi có yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thực hiện bình ổn giá, Cục Hải quan có trách nhiệm gửi bản thông kê giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu về Sở Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tại điểm c, khoản 1 Điều này. Cụ thể:

a) Sở Công Thương:

- Hướng dẫn thực hiện việc niêm yết giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và tổ chức kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành giá quy định của Nhà nước đối với một số mặt hàng thiết yếu là xăng, dầu; khí hoá lỏng; muối (muối hạt và muối tinh); sữa bột các loại; đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện); gạo; than; giấy (giấy in, giấy in báo, giấy viết) thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành giá bán điện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành giá quy định của Nhà nước đối với một số mặt hàng thiết yếu là phân bón hóa học; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; ngô, đậu tương, khô đậu tương và thức ăn chăn nuôi sản xuất công nghiệp thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Sở Y tế:

- Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành giá quy định của Nhà nước đối với một số loại thuốc thiết yếu phòng và chữa bệnh cho người theo quy định tại Thống tư liên tịch của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người.

d) Sở Xây dựng

Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành giá quy định của Nhà nước đối với giá các mặt hàng vật liệu xây dựng;

đ) Sở Giao thông – Vận tải:

Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành giá cước vận chuyển đã kê khai theo quy định của Nhà nước.

e) Ban quản lý khu kinh tế, Khu công nghiệp:

Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định về giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

- Tổ chức theo dõi và báo cáo tình hình giá cả thị trường, giá vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định;

- Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện, thị xã thực hiện việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; chỉ đạo việc kiểm tra, xử lý các trường hợp mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ không niêm yết giá, không thực hiện đúng giá niêm yết;

- Tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp về giá của Trung ương và Tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và Quy định này.

2. Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

Mục II

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ.

Điều 8. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chuyên ngành lập phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính như sau:

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Xây dựng giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đối với các tuyến do Nhà nước trợ giá.

b) Lập phương án giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô để làm căn cứ xác định mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ nguồn ngân sách Nhà nước và xác định mức cước vận chuyển hàng hóa do Nhà nước đặt hàng mà không qua hình thức đấu thầu, đấu giá.

c) Lập phương án mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước; Mức giá hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

d) Xây dựng giá dịch vụ xe ra vào bến theo quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

2. Báo Tây Ninh: Lập phương án giá bán báo của cơ quan Đảng bộ tỉnh Tây Ninh khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và có ý kiến thống nhất của Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Sở Xây dựng:

a) Căn cứ định mức của Nhà nước để thẩm định dự toán sản xuất nước trong phương án giá nước sạch do đơn vị cấp nước trình UBND tỉnh quyết định giá sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Lập bảng giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc và công trình khác khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Sở Công thương: Lập phương án giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế; phương án giá bán điện do địa phương quản lý không thuộc mạng lưới điện quốc gia.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Lập phương án giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cụ thể tại địa phương;

b) Lập bảng giá bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây trái, vật nuôi ... để tính bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Lập bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh hàng năm: Căn cứ vào nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất, khung giá các loại đất do Chính phủ quy định; căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính để hướng dẫn các huyện thị, Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp và cơ quan, đơn vị có liên quan lập phương án giá các loại đất. Sau khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi quyết định ban hành bằng giá các loại đất trên địa bàn Tây Ninh vào ngày 01 tháng 01 hàng năm.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chuyên ngành: Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không thông qua hình thức đấu giá;

8. Sở Tài chính:

a) Tổ chức thẩm định các phương án giá do các cơ quan, đơn vị chuyên ngành lập phương án giá được quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính lập văn bản thẩm định làm cơ sở cho cơ quan, đơn vị chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Lập phương án điều chỉnh giá của các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm và quyền hạn phải kịp thời điều chỉnh giá. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

c) Lập bảng khung giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh: Căn cứ vào nguyên tắc, phương pháp xác định khung giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước do Chính phủ quy định; căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và

Môi trường và Bộ Tài chính để xây dựng khung tỷ lệ đơn giá cho thuê đất, mặt nước trên địa bàn tỉnh, chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Xác định giá khởi điểm bán đấu giá đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất (thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do cơ quan nhà nước có tài sản bán (hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất) đi thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá xác định giá tài sản, gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá khởi điểm.

Trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá thì Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng để xác định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá khởi điểm.

Giá khởi điểm của tài sản trên đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá khởi điểm của quyền sử dụng đất được xác định sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất.

đ) Xác định đơn giá thuê đất, giá đất trong các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất).

e) Xác định giá bán chỉ định tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất (thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do cơ quan nhà nước có tài sản bán, đi thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá xác định giá tài sản, gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Hội đồng thẩm định giá để xem xét; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá bán.

Trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá thì Hội đồng thẩm định giá xác định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá bán.

Giá bán của tài sản trên đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá trị quyền sử dụng đất được xác định sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất, không thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

f) Xác định giá trị tài sản nhà nước là quyền sử dụng đất để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 38 của NĐ52/2009/NĐ-CP) do Sở Tài chính xác định theo giá đất do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định; trường hợp giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm tính giá đất vào giá trị tài sản tại đơn vị chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử

dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Sở Tài chính phải xác định lại và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phù hợp;

g) Các nhiệm vụ khác có liên quan:

- Lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng để định giá hoặc thẩm định giá các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải qua đấu thầu; cử cán bộ làm thành viên tham gia các Hội đồng định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác thuộc cấp Tỉnh khi có yêu cầu của cơ quan, đơn vị liên quan hoặc theo quy định riêng của pháp luật như Tổ tụng hình sự, Tòa án, Thi hành án, các cơ quan, đơn vị chống buôn lậu, gian lận thương mại thuộc cấp Tỉnh....

- Tổ chức thẩm định giá các loại tài sản của Nhà nước quy định tại Điều 15 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

- Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định để kiểm soát giá vật liệu xây dựng và làm cơ sở tham khảo lập dự toán, thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.

- Tổ chức chỉ đạo và thực hiện công tác thông tin thị trường, giá cả. Thông báo kịp thời tình hình giá cả thị trường theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chuyên ngành lập phương án giá và trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan (không yêu cầu Sở Tài chính thẩm định) như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Lập bộ đơn giá do đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất: Căn cứ vào các quy định của Bộ ngành Trung ương, Sở Tài nguyên và môi trường thuê đơn vị có chức năng tư vấn lập bộ đơn giá và Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Xác định lại giá đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

2. Sở Xây dựng:

a) Lập phương án giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ; giá bán hoặc cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để làm văn phòng hoặc kinh doanh; giá bán hoặc giá cho thuê tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở khung giá hoặc giá chuẩn của Chính phủ ban hành và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

b) Lập bộ đơn giá xây dựng mới công trình và đơn giá sửa chữa công trình xây dựng.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

Lập bộ đơn giá xây dựng cơ bản công trình bưu chính, viễn thông: Căn cứ vào các quy định của Bộ ngành Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông lập bộ đơn giá và chủ trì phối hợp lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp tỉnh: Lập phương án xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước khi cổ phần hóa: Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do tổ chức tư vấn định giá thẩm định, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp tỉnh có trách nhiệm thẩm tra về trình tự, thủ tục, kết quả định giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh: Lập phương án xác định giá trị doanh nghiệp, giá khởi điểm bán doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước: Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do tổ chức tư vấn định giá thẩm định, Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh có trách nhiệm thẩm tra và đề xuất giá khởi điểm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã: Đề xuất phương án giá các loại đất trên địa bàn huyện, thị xã, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chuyên ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tự quyết định giá hoặc chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan để quyết định giá như sau:

1. Sở Xây dựng: Căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức khảo sát mặt bằng giá để xác định và ra thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp khu vực trung tâm thị xã và các huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã:

a) Quyết định giá khởi điểm để bán đấu giá đối với tài sản nhà nước do cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã ra quyết định bán đấu giá.

b) Quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất.

c) Thành lập Hội đồng định giá cấp huyện, thị để xác định giá trị tài sản hàng hóa, dịch vụ khác khi có yêu cầu của cơ quan, đơn vị do cấp huyện quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

d) Tham gia Hội đồng định giá, hàng hóa, dịch vụ theo quy định riêng của pháp luật như Tố tụng hình sự, Tòa án, các cơ quan, đơn vị chống buôn lậu, gian lận thương mại...

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá trong phạm vi địa bàn huyện, thị xã quản lý, tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - xã hội nghề nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã thẩm định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khi đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc mua sắm, sửa chữa bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước có tổng giá trị dưới 100 triệu đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

a) Quyết định giá đi thuê trụ sở làm việc (thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 7 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) và giá thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc (thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 8 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản xác định như sau:

- Trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm trực tiếp: giá thuê được xác định theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

- Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định: giá thuê do cơ quan thuê và nhà cung cấp thỏa thuận; trường hợp tiền thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên thì cơ quan nhà nước đi thuê trụ sở làm việc phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá thuê để làm cơ sở thỏa thuận với nhà cung cấp;

b) Quyết định giá khởi điểm bán đấu giá tài sản nhà nước là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc (thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do Thủ trưởng cơ quan nhà nước có tài sản bán thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để làm căn cứ quyết định giá khởi điểm.

Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá phải bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

c) Quyết định giá bán chỉ định tài sản nhà nước là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc (thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 23 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do Thủ trưởng cơ quan nhà nước có tài sản bán thành lập Hội đồng để xác định giá bán hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để làm căn cứ quyết định giá bán.

Giá bán của tài sản phải bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

d) Quyết định giá khởi điểm bán đấu giá và giá bán chỉ định đối với tài sản thanh lý thực hiện theo quy định như tại điểm b, điểm c nêu trên.

* Lưu ý: Việc bán hoặc thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức bán được thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây được bán chỉ định (thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP):

- Tài sản nhà nước đã hết giá trị còn lại theo sổ kế toán. Riêng tài sản là nhà và tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản phải đánh giá lại, nếu giá trị còn lại theo đánh giá lại dưới 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng)/01 đơn vị tài sản thì được bán chỉ định;

- Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

e) Xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 38 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) đối với các tài sản nhà nước khác (không phải là quyền sử dụng đất) do Thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá trị còn lại của tài sản;

- Đối với các tài sản nhà nước đơn vị chưa hạch toán, chưa tính hao mòn cho thời gian sử dụng, tài sản đã tính hao mòn đủ nhưng vẫn còn sử dụng được, thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản.

f) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định giá cho thuê tài sản nhà nước (thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 43 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP):

- Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thực hiện theo phương thức đấu giá; giá cho thuê là giá trúng đấu giá;

- Đối với các tài sản khác thuộc phạm vi quy định của Thủ trưởng đơn vị thì được thực hiện theo phương thức thoả thuận; giá cho thuê tài sản do người cho thuê và người đi thuê tài sản thoả thuận theo giá thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

g) Xác định giá trị tài sản để liên doanh, liên kết (thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 44 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP) do Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm thuê tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để xác định giá trị tài sản liên doanh, liên kết làm cơ sở thoả thuận với các bên tham gia liên doanh, liên kết:

- Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất được xác định sát với giá thực tế trên thị trường tại thời điểm liên doanh, liên kết; không thấp hơn giá đất cùng loại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

- Đối với tài sản gắn liền với đất, giá trị tài sản được xác định phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại;

- Đối với tài sản nhà nước không thuộc quy định trên, giá trị tài sản được xác định phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ với tài sản để liên doanh, liên kết.

Điều 11. Hồ sơ phương án giá hoặc phương án điều chỉnh giá

(Thực hiện theo quy định tại mục III, phần B Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Điều 4 của Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày

13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá)

Mục III

HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 12. Hồ sơ hiệp thương giá

(Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá)

Điều 13. Thủ tục và trình tự hiệp thương giá

(Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá)

Mục IV

KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 14. Kiểm soát yếu tố hình thành giá

(Thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá)

Mục V

ĐĂNG KÝ GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 15. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá

1. Đăng ký giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải đăng ký mức giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên cả khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá hoặc điều chỉnh giá trong điều kiện giá thị trường có biến động bất thường và khi giá cả

vận động bình thường đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 1b kèm theo Quy định này.

Việc đăng ký giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh đưa ra thị trường, trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải đăng ký giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá trên địa bàn tỉnh (ngoài danh mục quy định tại phụ lục 1b kèm theo Quy định này).

Điều 16. Đối tượng phải đăng ký giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá nhập khẩu, giá bán buôn, giá bán lẻ, giá bán lẻ khuyến nghị áp dụng thống nhất trong cả nước hoặc theo từng thị trường khu vực chính, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì phải đăng ký giá nhập khẩu, giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền, tổng đại lý thì phải đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 và Điều 20 Quy định này thì không phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá mà thực hiện niêm yết giá và công khai thông tin về giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 17. Thời điểm, hình thức, nội dung đăng ký giá

1. Thời điểm đăng ký giá:

Trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá theo giá mới thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá.

2. Hình thức đăng ký giá:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc đăng ký giá dưới hình thức gửi các Biểu mẫu đăng ký giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Đăng ký giá gồm đăng ký giá lần đầu và đăng ký lại giá:

a) Đăng ký giá lần đầu được thực hiện trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lần đầu tiên bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá ra

thị trường hoặc lần đầu tiên tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá theo quy định của pháp luật.

b) Đăng ký lại giá được thực hiện khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần đăng ký giá trước liền kề hoặc khi có yêu cầu đăng ký lại giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu việc đăng ký giá lần đầu và đăng ký lại giá so với lần đăng ký trước liền kề của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Nội dung biểu mẫu đăng ký giá gồm có:

- Văn bản đăng ký giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ dự kiến thời gian có hiệu lực của mức giá đăng ký.

- Bảng đăng ký mức giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hóa, dịch vụ; địa điểm bán hàng. Mức giá đăng ký là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tính toán theo quy định về tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

- Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá

Mẫu hồ sơ đăng ký giá quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

Điều 18. Cơ quan triển khai, thông báo và tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng phải đăng ký giá.

1. Sở chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Cục thuế để nắm danh sách và triển khai, thông báo đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ngành hàng phải đăng ký giá lập biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá như sau:

a) Sở Công Thương: Triển khai và thông báo lập hồ sơ đăng ký giá đối với các mặt hàng là xăng, dầu; khí hoá lỏng; muối (muối hạt và muối tinh); sữa bột các loại; đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện); gạo; than; giấy (giấy in, giấy in báo, giấy viết).

b) Sở Xây dựng: Triển khai và thông báo lập hồ sơ đăng ký giá đối với các mặt hàng là xi măng; sắt thép xây dựng; nước sạch cho các mục đích khác, ngoài nước sạch sinh hoạt.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Triển khai và thông báo lập hồ sơ đăng ký giá đối với các mặt hàng là phân bón hóa học; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; ngô, đậu tương, khô đậu đậu tương và thức ăn chăn nuôi sản xuất công nghiệp.

d) Sở Thông tin và Truyền thông: Triển khai và thông báo lập hồ sơ đăng ký giá đối với Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Triển khai và thông báo lập hồ sơ đăng ký giá đối với mặt hàng Sách giáo khoa.

2. Sở quản lý chuyên ngành chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Quy định này đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Cục thuế, Sở quản lý chuyên ngành mỗi cơ quan tiếp nhận một bộ biểu mẫu đăng ký giá của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 1b kèm theo Quy định này (trừ những hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá theo hướng dẫn của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành, hoặc hướng dẫn của Bộ chuyên ngành theo thẩm quyền).

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo cụ thể danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có khả năng chi phối giá cả trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá quy định tại khoản này cho phù hợp trong từng thời kỳ.

Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Đối với cơ quan tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành (đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền) chủ trì tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản, Biểu mẫu và đóng dấu đến vào văn bản đăng ký giá theo thủ tục hành chính; đồng thời có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của biểu mẫu, rà soát nội dung biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

- Trường hợp các biểu mẫu được lập không đúng thủ tục quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này thì chậm nhất sau hai (02) ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo dấu công văn đến) thì Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành (đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền) phải có công văn chuyển trả biểu mẫu lại cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh yêu cầu đề tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoàn thiện hồ sơ.

- Khi phát hiện mức giá đăng ký trong biểu mẫu đăng ký giá có các yếu tố hình thành giá không hợp lý, Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành (đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền) chủ trì tiếp nhận biểu mẫu thông báo bằng văn

bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giải trình mức giá đăng ký và thực hiện lại việc đăng ký giá.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện việc đăng ký lại giá mà tự ý bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã đăng ký thì cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp tục bán hàng theo mức giá trước khi tự ý tăng giá mà không đăng ký lại.

b) Nếu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện quy định trên, ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký giá; cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

c) Sở chuyên ngành và Cục thuế phối hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá nếu phát hiện hồ sơ đăng ký giá mà mức giá đăng ký có những yếu tố cấu thành giá không hợp lý thì có ý kiến bằng văn bản gửi tới Sở Tài chính (trừ những hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá theo hướng dẫn của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành, hoặc hướng dẫn của Bộ chuyên ngành theo thẩm quyền) trong thời hạn xem xét hồ sơ quy định tại điểm này để Sở Tài chính kịp thời có công văn yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giải trình hoặc thực hiện lại việc đăng ký giá.

d) Mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đăng ký được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực giá sử dụng vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm soát các yếu tố hình thành giá, phục vụ mục tiêu bình ổn giá.

2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đăng ký giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá phải thực hiện đăng ký giá bán theo Quy định này.

Biểu mẫu đăng ký giá được lập ít nhất 04 bộ và gửi 3 bộ cho cơ quan chủ trì tiếp nhận (01 Sở Tài chính lưu; 01 bộ Sở chuyên ngành lưu; 01 bộ Cục thuế lưu); 01 bộ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lưu.

Biểu mẫu đăng ký giá được đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh (www.tayninh.gov.vn)

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện đăng ký giá được quyền bán hàng hoá, dịch vụ theo giá đã đăng ký theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá đăng ký và bị xử lý theo pháp luật đối với các hành vi vi phạm về đăng ký giá.

c) Công bố công khai thông tin về giá, niêm yết giá bán đã đăng ký công khai trong toàn hệ thống, thực hiện đúng giá niêm yết, đồng thời phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi thị trường có biến động bất thường.

Mục VI

KÊ KHAI GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 20. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá quy định tại Phụ lục số 1c kèm theo Quy định này.

Kê khai giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải kê khai mức giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này và hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cả khi giá thị trường có biến động bất thường và khi giá thị trường vận động bình thường. Việc kê khai giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải kê khai giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá trên địa bàn tỉnh cho phù hợp (ngoài danh mục quy định tại Phụ lục 1c).

Điều 21. Đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá nhập khẩu, giá bán buôn, giá bán lẻ, giá bán lẻ khuyến nghị áp dụng thống nhất trong cả nước hoặc theo từng thị trường khu vực chính, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì thực hiện kê khai giá bán buôn;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì thực hiện kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì phải kê khai giá nhập khẩu, giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền, tổng đại lý thì phải kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 và Điều 20 Quy định này, thì không phải thực hiện kê khai giá hoặc đăng ký giá mà thực hiện niêm yết giá và công khai thông tin về giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 22. Thời điểm, hình thức, nội dung kê khai giá

1. Thời điểm kê khai giá:

Trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá theo giá mới tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

phải thực hiện lập biểu mẫu kê khai giá gửi tới Sở Tài chính và Sở quản lý chuyên ngành tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá.

2. Hình thức, thủ tục kê khai giá: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc kê khai giá dưới hình thức lập Biểu mẫu kê khai giá gửi Sở Tài chính và cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá. Kê khai giá gồm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá:

Gồm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá:

a) Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lần đầu tiên hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá lần đầu tiên bán hàng hóa, dịch vụ ra thị trường hoặc lần đầu tiên tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá theo quy định của pháp luật.

b) Kê khai lại giá được thực hiện khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần kê khai giá trước liền kề hoặc khi có yêu cầu kê khai lại giá của Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành nếu việc kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá so với lần kê khai trước liền kề của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Nội dung hồ sơ kê khai giá gồm có:

- Văn bản kê khai giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ thời gian thực hiện của mức giá kê khai.

- Bảng kê khai giá bán. Mức giá kê khai là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định theo các quy định về tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ (hoặc mức giá mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã thỏa thuận được với khách hàng).

Mẫu hồ sơ kê khai giá quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

Điều 23. Cơ quan triển khai, thông báo và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá

1. Sở chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Cục thuế để nắm danh sách và triển khai, thông báo đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ngành hàng phải đăng ký giá lập biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá như sau:

a) Sở Công Thương: Triển khai và thông báo lập hồ sơ kê khai giá đối với các mặt hàng là vật liệu nổ công nghiệp.

b) Sở Giao thông Vận tải: Triển khai và thông báo lập hồ sơ kê khai giá đối với giá cước vận tải bằng ô tô theo Thông tư liên tịch của liên Bộ Tài chính - Bộ

Giao thông Vận tải hướng dẫn về mẫu vé xe khách, kê khai giá cước, niêm yết giá cước và kiểm tra thực hiện giá cước vận tải bằng ô tô; giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.

c) Sở Y tế: Triển khai và thông báo lập hồ sơ kê khai giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người.

2. Sở quản lý chuyên ngành chủ trì phối hợp Cục Thuế, Sở Tài chính tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1c kèm theo Quy định này đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế, Sở quản lý chuyên ngành mỗi cơ quan tiếp nhận một bộ hồ sơ kê khai giá của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá quy định tại Phụ lục 1c kèm theo Quy định này (trừ những hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo hướng dẫn riêng của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền).

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có khả năng chi phối giá cả trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá đúng quy định tại khoản này cho phù hợp trong từng thời kỳ.

Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với kê khai giá

1. Đối với các cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá:

a) Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành (đối với những loại hàng hóa, dịch vụ đã có văn bản pháp luật hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền) chủ trì khi nhận được hồ sơ kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thì phải ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản và đóng dấu công văn đến vào hồ sơ kê khai giá theo thủ tục hành chính.

b) Thực hiện việc rà soát mức giá kê khai; nếu phát hiện mức giá kê khai không hợp lý thì cơ quan chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá giải trình hoặc kê khai lại giá.

c) Mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý giá sử dụng vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm soát các yếu tố hình thành giá, phục vụ mục tiêu bình ổn giá.

2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng kê khai giá phải thực hiện kê khai giá bán theo Quy định này.

Biểu mẫu đăng ký giá được lập ít nhất 04 bộ và gửi 3 bộ cho cơ quan chủ trì tiếp nhận (01 Sở Tài chính lưu; 01 bộ Sở chuyên ngành lưu; 01 bộ Cục thuế lưu); 01 bộ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lưu.

Biểu mẫu kê khai giá được đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh (www.tayninh.gov.vn)

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá được quyền bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã kê khai theo quy định của pháp luật; phải công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã kê khai.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc giải trình hoặc kê khai lại giá nếu cơ quan chủ trì tiếp nhận kê khai giá phát hiện mức giá kê khai không hợp lý và có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá giải trình hoặc kê khai lại giá.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá không chấp hành việc kê khai giá hoặc có hành vi vi phạm quy định về kê khai giá thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kê khai giá; cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

Chương III

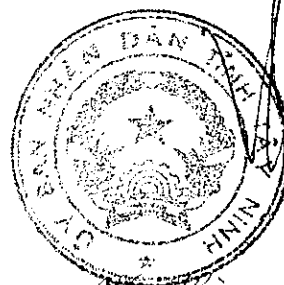
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị nhà nước; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh căn cứ Quy định quản lý nhà nước về giá này để tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Hùng Việt



Phụ lục số 1a

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 / 2011 / UBND
ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỒN GIÁ

1. Xăng, dầu;
2. Xi măng;
3. Thép xây dựng;
4. Khí hóa lỏng;
5. Phân bón hóa học;
6. Thuốc bảo vệ thực vật;
7. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại);
8. Muối do địa phương sản xuất;
9. Sữa;
10. Đường ăn (đường trắng và đường tinh luyện)
11. Thóc, gạo;
12. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người bao gồm các loại thuốc thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế;
13. Nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương;
14. Thức ăn chăn nuôi sản xuất công nghiệp (cả sản xuất trong nước và nhập khẩu), gồm:
 - Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc cho nuôi lợn thịt và gà thịt;
 - Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho nuôi cá tra, cá basa (số 5) có khối lượng từ 200g/con đến 500g/con;
 - Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho nuôi tôm sú (số 5) có khối lượng từ 10g/con đến 20g/con./.

Phụ lục số 1b

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 / 2011 / UBND
ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ

1. Xăng, dầu (thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về kinh doanh xăng, dầu và các hướng dẫn của Liên Bộ: Tài chính – Công Thương);

2. Xi măng;

3. Thép xây dựng;

4. Khí dầu mỏ hóa lỏng-LPG;

5. Nước sạch cho các mục đích khác, ngoài nước sạch sinh hoạt;

6. Phân bón hóa học: phân U-rê, DAP, NPK, phân Lân;

7. Thuốc bảo vệ thực vật: (tên gốc và tên thương mại có gốc)

+ Thuốc trừ sâu: Fenobucarb (min 96%), Etofenrox (min 96%), Buprofezin (min 98%), Imidacloprid (min 96%), Fipronil (min 96%); + Thuốc trừ bệnh: Isoprothiolane (min 96%), Tricyclazole (min 95%), Kasugamycin (min 70%); + Thuốc trừ cỏ: Glyphosate (min 95%), Pretilachlor, Quinclorac (min 99%).

8. Thuốc thú y (tên gốc và tên thương mại có gốc): Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại), Oxytetracycline dạng bột trộn thức ăn gia súc.

9. Muối (muối hạt và muối tinh) do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;

10. Sữa pha chế theo công thức dạng bột dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;

11. Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện;

12. Gạo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;

13. Ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đăng ký;

14. Than;

15. Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết;

16. Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

17. Sách giáo khoa;

18. Thức ăn chăn nuôi sản xuất công nghiệp (cả sản xuất trong nước và nhập khẩu), gồm:

- Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc cho nuôi lợn thịt và gà thịt;

- Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho nuôi cá tra, cá basa (số 5) có khối lượng từ 200g/con đến 500g/con;

- Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho nuôi tôm sú (số 5) có khối lượng từ 10g/con đến 20g/con./.

Phụ lục số 1c

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 / 2011 / UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

1. Vật liệu nổ công nghiệp;
2. Dịch vụ cảng biển theo danh mục trong biểu giá dịch vụ cảng biển do tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ cảng biển ban hành;
3. Dịch vụ tại cảng hàng không sân bay theo danh mục trong Biểu giá dịch vụ cảng hàng không do Giám đốc cảng hàng không, sân bay ban hành;
4. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
5. Cước vận tải bằng ô tô thực hiện theo Thông tư liên tịch số 86/TTLT/BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của liên Bộ Tài chính-Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn về mẫu vé khách (khai giá cước, niêm yết giá cước và kiểm tra thực hiện giá cước vận tải bằng ô tô);
6. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT/BYT-BTC-BCT ngày 31/8/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh cho người./.



Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2011/UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tên đơn vị
để nghị định giá,
điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ: _____

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại: _____

Số Fax: _____

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số/.....
V/v thẩm định phương án giá

....., ngàytháng năm

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ...,

... *(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)* đã lập phương án giá về sản phẩm.... *(tên hàng hoá, dịch vụ)* (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị *(tên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị
đề nghị định giá,
điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)

Tên hàng hóa _____

Đơn vị nhập khẩu _____

Quy cách phẩm chất _____

Xuất xứ hàng hóa _____

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP
KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Số TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Giá nhập khẩu			
2	Thuế nhập khẩu (nếu có)			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Chi phí bằng tiền khác			
5	Giá vốn nhập khẩu			
6	Lợi nhuận dự kiến			
7	Giá bán dự kiến (ghi rõ giá bán buôn hay bán lẻ)			

**II. BẢNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá nhập khẩu trong hồ sơ hàng hóa nhập khẩu đã được cơ quan hải quan
nơi hàng hóa được nhập khẩu quy định

2. Tỷ giá tại thời điểm vay ngoại tệ nhập khẩu ở ngân hàng mà doanh nghiệp
giao dịch.

3. Giá nhập khẩu bằng tiền Việt Nam

4. Thuế nhập khẩu

5. Thuế tiêu thụ đặc biệt

6. Phụ thu (nếu có)

7 Chi phí lưu thông (vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, hao hụt...)

8. Các khoản chi phí khác theo luật định

9. Giá vốn

10. Lợi nhuận

11. Chi phí tiêu thụ (nếu có)

12. Giá bán (chưa có thuế GTGT)

13. Phân tích các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án được duyệt lần trước liền kề: nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(Ghi chú: Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Tên đơn vị
đề nghị định giá,
điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ _____

Đơn vị sản xuất _____

Quy cách phẩm chất _____

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA,
DỊCH VỤ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí tiền công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
d	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				
	Tổng sản lượng				
	Giá thành đơn vị sản phẩm				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).



Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số ____ / 2011 / UBND
ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tên đơn vị
đề nghị
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ: _____

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại: _____

Số Fax: _____

Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số ____ / ____
V/v: hiệp thương giá

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

Kính gửi: (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ...,

... (tên đơn vị đề nghị hiệp thương giá) đề nghị ... (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá) tổ chức hiệp thương giá... (tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá) do ... (tên đơn vị sản xuất, kinh doanh sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ) (kèm theo phương án giá hiệp thương), cụ thể như sau:

1. Bên bán: _____

2. Bên mua: _____

3. Tên hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá: _____

- Quy cách, phẩm chất: _____

- Mức giá đề nghị của bên bán: _____

- Mức giá đề nghị của bên mua: _____

- Thời điểm thi hành mức giá: _____

- Điều kiện thanh toán: _____

4. Nội dung chính của phương án giá hiệp thương:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị mua hoặc bán;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tên đơn vị
đề nghị
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

_____, ngày __ tháng __ năm 20__

PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG

(kèm theo công văn số ____ / ____ ngày ____ / ____ / ____ của ...)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá: _____

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: _____

Quy cách phẩm chất: _____

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	So sánh với phương án hiệp thương thành lần trước liền kề
1	Chi phí sản xuất:					
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp					
1.3	Chi phí sản xuất chung:					
a	Chi phí nhân viên phân xưởng					
b	Chi phí vật liệu					
c	Chi phí dụng cụ sản xuất					
d	Chi phí khấu hao TSCĐ					
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài					
e	Chi phí bằng tiền khác					
	Tổng chi phí sản xuất :					
2	Chi phí bán hàng					
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
	Tổng giá thành toàn bộ					
4	Lợi nhuận dự kiến					
	Giá bán chưa thuế					
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)					
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)					
	Giá bán (đã có thuế)					

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1. Chi phí sản xuất:
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)
8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá hiệp thương thành lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi xây dựng phương án giá hiệp thương phải áp dụng theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Phụ lục số 4

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ



(Ban hành kèm theo Quyết định số ____ / 2011 / UBND
ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

Kính gửi:(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP,

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá bán đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số: ____ ngày ____ tháng ____ năm 20__ của Công ty ____)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ): _____

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ): _____, cụ thể như sau:

S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất Lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký liền kề trước	Mức giá đăng ký

Tên đơn vị đăng ký giá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm 20__

GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo công văn số: ____ ngày ____ tháng ____ năm 20__ của
_____)

Tên hàng hóa, dịch vụ: _____

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: _____

Quy cách phẩm chất: _____

BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%) tăng so với lần đăng ký trước liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)		
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp		
	Chi phí nhân công trực tiếp		
	Chi phí sản xuất chung:		
2	Chi phí bán hàng		
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Tổng giá thành toàn bộ		
4	Lợi nhuận dự kiến		
	Giá bán chưa thuế		
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)		
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)		
	Giá bán (đã có thuế)		

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu.



Phụ lục số 5:

BIỂU MẪU KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ____ / 2011 / UBND

ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

V/v kê khai giá

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ...,

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ CỤ THỂ

1. Mức giá kê khai:

[illegible]

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai:

[illegible]